

# MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG ĐIỀU KIỆN MỞ CỬA, HỘI NHẬP

THS TRẦN VĂN TRUNG\*

**S**ự phát triển của nền kinh tế tri thức và toàn cầu hoá đã có tác động đến giáo dục đại học (GDĐH) của nhiều quốc gia. Nhiều nước đang tiến hành cải cách GDĐH, đưa chiến lược GDĐH vào chiến lược phát triển quốc gia. Việt Nam đang trong tiến trình CNH, HĐH đất nước nhằm hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Quá trình CNH, HĐH trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá đòi hỏi chúng ta phải có mặt bằng dân trí và nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao. Nhận thức được điều này, Đảng và Nhà nước ta đã xác định: giáo dục đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, yếu tố thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

Trong nền kinh tế hàng hoá cũng như trong nền kinh tế tri thức, GDĐH là một ngành sản xuất đặc biệt: sản xuất nguồn nhân lực và tri thức. Là ngành sản xuất, vì sản phẩm đào tạo và nghiên cứu có tính hàng hoá (có thang chất lượng, có dư thừa, có hàng giả, có giá trị thương phẩm...), đặc biệt vì sản phẩm đào tạo không cố định mà tiếp tục phát triển; hơn nữa, đặc biệt còn vì lợi nhuận của sản xuất được chia cho nhà đầu tư (nhà nước, các tổ chức và phụ huynh), cho người học và cho người sản xuất (giáo viên, nhà quản lý), nên thường là ngành sản xuất "phi lợi nhuận". Cũng vì là ngành sản xuất nên đòi hỏi GDĐH không phải chỉ có chất lượng mà còn phải có hiệu quả và hiệu suất để sản

phẩm có tính cạnh tranh cao.

Như vậy, giáo dục, đào tạo (trong đó, có GDĐH) là nhân tố quyết định để phát huy tiềm năng trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam, là động lực quan trọng để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, đưa Việt Nam tiến nhanh, tiến mạnh và bền vững, hội nhập quốc tế thắng lợi, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

Những năm qua, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của ngành giáo dục, GDĐH Việt Nam đã có một số tiến bộ như hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách về GDĐH ngày càng được hoàn thiện; ngân sách đầu tư cho GDĐH nhiều hơn; cơ sở vật chất được tăng cường; quy mô ngành nghề đào tạo được mở rộng. Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế chúng ta tiến hành cải cách giáo dục; trong đó, có GDĐH; từng bước tiến hành giảm bao cấp của Nhà nước đối với GDĐH, triển khai xã hội hóa, kêu gọi sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào GDĐH. Chỉ trong một thời gian tương đối ngắn, hệ thống cơ sở GDĐH đã có nhiều thay đổi. Số lượng các cơ sở GDĐH tăng liên tục qua các năm với rất nhiều loại hình, từ các trường đại học công lập của Nhà nước, đến các trường đại học dân lập, tư thục, kể cả các chi nhánh của

\* Học viện Hành chính.

các trường đại học danh tiếng của nước ngoài. Nhiều trường đã tập trung củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng đội ngũ giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ cấu ngành nghề đào tạo, nội dung, chương trình cũng được cải tiến, định hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội. Sự gia tăng về loại hình, số lượng các trường cũng như sự đa dạng của ngành nghề đào tạo làm tăng thêm sự lựa chọn, cơ hội học đại học của người dân. Số lượng sinh viên, học sinh theo học trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp lên đến hàng trăm nghìn và tăng liên tục qua các năm. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2008-2009, cả nước có 1.075,7 nghìn sinh viên đại học, cao đẳng, tăng 4,5% so với năm học trước và 628,8 nghìn học sinh trung cấp chuyên nghiệp, tăng 2,3%. Số sinh viên đại học, cao đẳng bình quân trên 1 vạn dân đã đạt 194 người, bằng 97% mục tiêu quốc gia đề ra cho năm 2010. Bên cạnh đó là hàng chục nghìn du học sinh mỗi năm theo học đại học ở một số nước có nền giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới như Mỹ, Anh, Xinh-ga-po, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc... Những cải cách trong GDDH đã góp phần đáng kể cải thiện nguồn nhân lực quốc gia trong quá trình CNH, HĐH, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, chất lượng GDDH của nước ta còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa theo kịp những chuẩn mực tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, cụ thể:

- Cơ chế quản lý chưa theo kịp sự phát triển của các trường đại học trong cơ chế thị trường. Quản lý nhà nước đối với GDDH vẫn mang nặng nề nếp nghĩ, cách làm của thời kỳ kinh tế chỉ huy tập trung theo cơ chế "xin - cho". Phương thức này mang tính hình thức, khuôn mẫu gắn với cơ chế quản lý "Bộ chủ quán" làm bộ máy quản

lý rất nặng nề, thiếu tính linh hoạt và sáng tạo. Mặc dù cơ chế tự chủ cho các trường được đề xuất từ Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng năm 1987, được pháp lý hoá bằng Nghị định số 90/CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ; Công văn số 59/ĐH ngày 04-01-1994 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng trên thực tế vẫn là sự quản lý tập trung của Bộ, từ ngân sách, chỉ tiêu, chương trình... Sự quản lý tập trung hạn chế các trường trong việc phát huy tiềm năng, mở mang ngành nghề đào tạo, xây dựng uy tín và thương hiệu. Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu về nguồn nhân lực CNH, HĐH và hội nhập quốc tế đã làm bộc lộ sâu sắc những hạn chế và sự lỗi thời của phương thức quản lý nhà nước đối với giáo dục, đào tạo.

- Chương trình học mang tính thích nghi thấp, được thiết kế theo năm và theo hệ thống Pháp (đỗ hay trượt cả năm), rất gò bó cho người học. Trong khi đó, ở Mỹ, chương trình trung học và đại học ở các bang đều dùng hệ thống tín chỉ, một hệ thống mà trong đó chương trình học của một bằng được chia ra thành những môn học độc lập. Mỗi môn học, tùy theo mức độ, thời lượng, được một chỉ số (hay tín chỉ) nhiều hay ít. Tùy theo khả năng và thời gian, người học có thể học nhiều hay ít môn (hay tín chỉ) trong mỗi học kì... Người học được cấp bằng cử nhân khi đạt được 120 đến 130 tín chỉ và các tín chỉ này có thể có từ các trường đại học khác nhau nhưng phải có cùng chất lượng. Sinh viên đại học ở Mỹ có thể chuyển từ trường đại học này sang trường đại học khác, từ cao đẳng lên đại học, từ tại chức (part time) sang chính quy (full time), từ ngành này qua ngành khác một cách khá dễ dàng. Người học có thể chọn và chuyển ngành học, nơi học nào thích hợp. Hệ thống tín chỉ tạo thuận lợi cho người học, tiết kiệm chi phí cho xã hội. Chính sự gò bó, cứng nhắc trong chương trình dẫn đến một sự lãng phí rất lớn cho xã hội như tình trạng

học đi học lại hoặc có bằng đại học nhưng không sử dụng trong công việc vì ngành đó không còn phù hợp với khả năng học thuật, sở thích, sở trường của cá nhân hay nhu cầu sử dụng của cơ quan.

- Công tác tuyển sinh công kênh, chưa hiệu quả, gây tổn kém cho thí sinh và cho xã hội. Hàng năm, cứ đến kì tuyển sinh là có gần một triệu thí sinh tập trung về một số thành phố và trung tâm lớn gây nên tình trạng quá tải, từ giao thông đến chỗ ăn, nghỉ. Chi phí cho kì tuyển sinh so với khả năng kinh tế của nhân dân là quá cao. Theo ước tính, tổng số tiền cho tuyển sinh hàng năm mà nhân dân, Nhà nước và các trường đại học phải chi ra để bù lỗ vào khoảng 1.000 tỉ đồng, con số này chưa tính đến tiền luyện thi mà các gia đình đầu tư cho con em mình tại các lò luyện thi (ước tính vào khoảng 1.000 tỉ đồng nữa). Quy trình thi lạc hậu, thời gian thi và tổ chức chấm thi kéo dài, gây căng thẳng, mệt mỏi cho thí sinh và những người làm công tác coi thi, chấm thi. Chất lượng kì thi tuyển sinh không cao. Đề thi tuyển sinh đại học chủ yếu cấu tạo dưới dạng tự luận và như vậy đáp án thường không thể chính xác, còn mang yếu tố chủ quan của người chấm. Thi và phúc tra lại khá nhiều nên chất lượng và hiệu quả thi không đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, đề thi do độ chính xác không cao nên dễ xảy ra tiêu cực, nâng điểm, mất công bằng trong tuyển sinh.

- Cơ chế quản lý tài chính GDĐH lạc hậu, không động viên được sự đóng góp, tham gia của xã hội, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho GDĐH. Mức học phí quy định cứng nhắc, phân đều giữa các ngành học, rất thấp, nhiều năm liền không tính đến yếu tố trượt giá, làm cho chi phí của Nhà nước đối với GDĐH tăng cao, cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập chậm được cải thiện.

- Buông lỏng quản lý đối với khối các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập.

Sự ra đời của khối các trường đại học ngoài công lập từ cuối những năm 80 thế kỉ trước được coi là thành tựu quan trọng của đổi mới, cải cách GDĐH. Đến cuối năm 2008, sau gần 20 năm phát triển, cả nước có 40 trường đại học ngoài công lập, chiếm 25% tổng số trường đại học của cả nước; 24 trường cao đẳng, chiếm 11,48%. Không thể phủ nhận vai trò của các trường đại học ngoài công lập trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực đất nước, đáp ứng nhu cầu học tập to lớn của xã hội trong khi hệ thống trường công lập và ngân sách nhà nước chưa thể đáp ứng nổi. Số sinh viên các trường đại học ngoài công lập đã là 143 nghìn, chiếm 12% tổng số sinh viên. Các ngành nghề đào tạo cũng được mở rộng. Tuy nhiên, phần lớn các trường chạy theo quy mô đào tạo, lợi nhuận, ít chú trọng đến việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất nghèo nàn, trang thiết bị lạc hậu, phòng học, làm việc phân tán và chủ yếu là đi thuê. Số lượng giảng viên cơ hữu của đa số các trường chỉ dao động khoảng 15-20%, mặc dù Quy chế trường đại học dân lập quy định tại thời điểm khai giảng khóa đầu tiên, đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường phải đảm bảo không dưới 20% và trong vòng 4 năm đạt không dưới 50% khối lượng giảng dạy từng môn học. Với điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên như thế nhưng quy mô tuyển sinh liên tục tăng, vì vậy, thật khó nói đến chất lượng đào tạo tại nhiều trường đại học ngoài công lập.

Mục tiêu đặt ra cho việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý nhà nước đối với GDĐH là đẩy mạnh đổi mới về nội dung, chương trình và phát triển đại học theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam cùng với đổi mới về cơ chế quản lý giáo dục; cải tiến nội dung, chương trình; phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán

bộ quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng GDĐH Việt Nam lên tầm khu vực và quốc tế. Để đạt được mục tiêu đó, cần những giải pháp đồng bộ cả từ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của nhân dân đối với GDĐH đến việc hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các ban, ngành chức năng đến nỗ lực của các trường trong việc xây dựng uy tín, thương hiệu của mình. Một số định hướng chủ yếu là:

- Phát triển các chương trình GDĐH theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng. Đảm bảo sự liên thông giữa các chương trình trong toàn hệ thống. Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và hệ thống kiểm định chất lượng GDĐH.

- Gắn kết chặt chẽ đổi mới GDĐH với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nhu cầu nhân lực trình độ cao của đất nước và xu thế phát triển của khoa học và công nghệ. Hiện đại hoá hệ thống GDĐH trên cơ sở kế thừa những thành quả giáo dục và đào tạo của đất nước, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại, nhanh chóng tiếp cận xu thế phát triển GDĐH tiên tiến trên thế giới.

- Đổi mới GDĐH phải đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả và đồng bộ; lựa chọn khâu đột phá, lĩnh vực ưu tiên và cơ sở trọng điểm để tập trung nguồn nhân lực tạo bước chuyển rõ rệt. Việc mở rộng quy mô phải đi đôi với việc nâng cao chất lượng; thực hiện công bằng xã hội phải đi đôi với đảm bảo hiệu quả đào tạo; phải tiến hành đổi mới từ mục tiêu, quy trình, nội dung đến phương pháp dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập; liên thông giữa các ngành, các hình thức, các trình độ đào tạo; gắn bó chặt chẽ và tạo động lực để tiếp tục đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

- Trên cơ sở đổi mới tư duy và cơ chế

quản lý GDĐH, kết hợp hợp lý và hiệu quả giữa việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và đảm bảo quyền tự chủ, tăng trách nhiệm xã hội, tính minh bạch của các cơ sở GDĐH. Phát huy tính tích cực và chủ động của các cơ sở GDĐH trong công cuộc đổi mới mà nòng cốt là đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục cùng sự hưởng ứng, tham gia tích cực của toàn xã hội.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các trường đại học, tạo hành lang pháp lý khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho GDĐH như các hình thức hợp đồng, liên kết giữa trường đại học với các doanh nghiệp... Thay đổi mức học phí theo hướng phân biệt giữa các ngành học, đối tượng học; tăng mức học phí bình quân kết hợp đồng bộ với việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho các đối tượng chính sách, gia đình nghèo, học sinh vùng sâu, vùng xa. Đơn giản hoá thủ tục và nâng mức cho vay đối với các đối tượng sinh viên nghèo vay vốn trang trải tiền học phí.

Đổi mới GDĐH là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước tăng cường đầu tư cho GDĐH, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tham gia phát triển GDĐH □

